TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 443 /2022/DS-PT
Ngày: 23/9/2022
"V/v tranh chấp QSD đất
và TS gắn liền với đất".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Ông Lê Hồng Nước

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 172/2022/TLPT-DS ngày 29 tháng 6 năm 2022 về việc "*Tranh chấp dân sự Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022 DS-ST ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 308/2022/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đực E (M), sinh năm 1972.

Địa chỉ: khóm i, phường A, thành phố H, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Hoàng N - Văn phòng Luật sư Ngô Quang T, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.Địa chỉ: khóm i, phường A, tp. H, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Đình thần A.

Địa chỉ: Khóm i, phường A, thành phố H, Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Minh H (N), chức vụ: Kế hiền; Địa chỉ: Khóm ii, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Minh H là:

- Ông Phan Văn K, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Khóm ii, phường A, thành phố H, Đồng Tháp.

- Ông Bùi Tấn L, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Lê Phi T, Văn phòng Luật sư C thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

***3**. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. NLQ1, sinh năm 1952 (chết);

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của NLQ1:

3.1.1 Ông Trần Văn C, sinh năm 1943;

3.1.2 Anh Trần Văn T, sinh năm 1972;

3.1.3. Anh Trần Văn H, sinh năm 1975;

3.1.4. Anh Trần Văn S, sinh năm 1978;

3.1.5. Anh Trần Văn P, sinh năm 1982;

3.1.6. Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1986.

(Ông Của là chồng NLQ1; anh T, anh H, anh S, anh P, chị L đều là con NLQ1);

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang;

3.2. NLQ2, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Khu phố i, đường T phường T, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh;

3.3. NLQ3 (chết 2010);

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của NLQ3:

3.3.1. Ông Trần Văn S, sinh năm 1956;

Địa chỉ: khóm i, phường A, tp. H, tỉnh Đồng Tháp.

3.3.2. Chị Trần Thị H, sinh năm 1977;

Địa chỉ: thôn i, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3.4. NLQ4, sinh năm 1960;

3.5. NLQ5, sinh năm 1962;

3.6. NLQ6, sinh năm 1963;

3.7. NLQ7, sinh năm 1976;

Cùng địa chỉ: Khóm i, phường A, tp. H, Đồng Tháp.

3.8. NLQ8, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

3.9. NLQ9, sinh năm 1977;

3.10. NLQ10, sinh năm 2000;

3.11. NLQ11, sinh năm 1995;

3.12. NLQ12, sinh năm 1987;

Cùng địa chỉ: khóm i, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3.13. NLQ13, sinh năm 1930;

Địa chỉ: khóm i, phường A, tp. H, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt: ông K, ông Đ, NLQ9, NLQ11, NLQ13, luật sư T và luật sư N; các đương sự còn lại vắng mặt).

Người kháng cáo: Đình thần A.

NỘI DUNG

- Nguyên đơn Nguyễn Văn Đực E trình bày:

Nguồn gốc đất đang tranh chấp là của cha mẹ ông, là cụ Nguyễn Văn G (D), (chết 1996) và cụ Nguyễn Thị K (chết 2004). Cha mẹ ông có 10 người con gồm: (1) Nguyễn Văn H (2) NLQ1 (3) NLQ2 (4) NLQ3 (5) NLQ4 (6) NLQ5 (7) NLQ6 (8) NLQ8 (9) Nguyễn Văn Đực E (10) NLQ7. Trong đó: Nguyễn Văn H (chết 1972, không vợ, con); NLQ3 (chết 2010, có chồng là Trần Văn S, và con là Trần Thị H).

Cha mẹ ông chết không để lại di chúc.

Phần đất đang tranh chấp đã được cha mẹ ông xây nhà ở từ năm 1957, diện tích sử dụng (8m x 14m) = 112m^2, thuộc thửa 67, tờ bản đồ số 55; tọa lạc đường L, khóm i, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp. Ông là con trai Út chung sống với cha mẹ đến năm 1996 thì cha ông chết, năm 2004 thì mẹ chết. Anh, chị, em của ông có gia đình sống riêng nên giao lại căn nhà gắn liền với đất cho ông tiếp tục quản lý, sử dụng để thờ cúng cha mẹ. Năm 2013 ông đăng ký QSD đất thì phát sinh tranh chấp với Đình thần A, Ban tế tự Đình thần A cho rằng phần đất ông ở là đất của Đình thần A và khiếu nại yêu cầu ông trả đất diện tích 3,9m x dài 14m = 54,6m^2, ông không đồng ý nên UBND phường A hòa giải không thành. Phần đất đang tranh chấp là của cha mẹ, gia đình ông sử dụng ổn định trên 60 năm, không ai tranh chấp.

Nhà chính và mái chái nhà của ông hiện nay là đúng vị trí căn nhà của cha mẹ ông trước đây, còn phần đất trúng quy hoạch Nhà nước bồi thường là hàng ba phía trước, không phải căn nhà. Nhà ông cất vẫn đúng vị trí nhà cũ, khi ông xây dựng nhà đến nay thì Đình thần A không ai tranh chấp.

Nay yêu cầu Đình thần A giao cho ông sử dụng đất 74,5m^2, thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 55 hiện ông đang quản lý. Ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của Đình thần A.

- Bị đơn Đình thần A, đại diện ủy quyền ông Phan Văn K và ông Nguyễn Thành C trình bày:

Nguồn gốc đất ông Nguyễn Văn Đực E đang tranh chấp là của Đình thần A.

Từ năm 1958 Đình Thần được xây dựng bằng gỗ tại phần đất đang tranh chấp, năm 2009 - 2010 được Nhà nước bồi thường tiền thì mới xây dựng như hiện nay. Khoảng năm 1967 thì cụ Nguyễn Văn G (D) là cha của ông Đ làm lao công cho Trường Trung học Công lập H, lúc đó Đình không có người làm "Từ" nên động viên ông G về làm Từ. Ông G lúc này không có nhà nên Đình cho ông G cất căn nhà nhỏ để bán cháo kiếm thu nhập (nhà cây gỗ tạp), sau khi ông G chết thì để lại căn nhà này cho ông Đ ở.

Năm 2010 Nhà nước làm bờ kè thì nhà ông Đ đang ở trúng vào đường bờ kè nên được Nhà nước bồi thường và ông Đ di dời nhà đi nơi khác nhưng ông Đ không đi mà dời lùi lại vào phần đất của Đình thần A thuộc thửa 654, tờ bản đồ số 14. Lúc đó, Đình thần có gửi đơn đến UBND phường A yêu cầu ngăn chặn, UBND phường có đến lập biên bản nhưng ông Đ vẫn tiếp tục xây dựng. Từ khi ông Đ xây dựng nhà chính xong thì đến nay Đình thần không K kiện hay tranh chấp gì, đến khi ông Đ xây dựng mái chái cặp cổng Đình thì Ban tế tự có báo chính quyền địa phương đến lập biên bản nhưng không giải quyết gì cho đến nay.

Nay Đình thần A không đồng ý yêu cầu của ông Đ.

Đình thần A yêu cầu: Nếu ông Đ có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất ông đang sử dụng hợp pháp thì Tòa án xét xử giao cho ông Đ được sử dụng; Nếu Đình thần A chứng minh đất ông Đ đang sử dụng là của Đình thần A thì yêu cầu Tòa án công nhận QSD đất cho Đình thần A. Trường hợp nếu ông Đ không có chỗ ở thì Đình thần A vẫn cho ông Đ tiếp tục ở tạm ngay vị trí cũ, nhưng yêu cầu gia đình ông Đ phải cam kết không được xây dựng bê tông cốt thép, không được mở rộng, không được chuyển nhượng dưới mọi hình thức; khi ông Đ có điều kiện di dời đi nơi khác thì không được yêu cầu hỗ trợ chi phí di dời. Nếu ông Đ không đồng ý thì Đình yêu cầu cơ quan Thi hành án thi hành bản án theo quy định của pháp luật.

Trước đây Đình thần A không có yêu cầu gì, nhưng nay Đình thần A có yêu cầu phản tố, yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn Đực E di dời nhà và vật kiến trúc khác có trên đất để trả cho Đình thần A đất diện tích 74,5m^2, thuộc thửa 67, tờ

bản đồ số 55 tọa lạc đường L, khóm i, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (đất chưa được cấp QSD).

Ông K thừa nhận đất này là do cha NLQ13 hiến cho Đình thần A năm 1858, khi cha NLQ13 hiến đất thì Đình đã đăng ký bản đồ thửa nhưng sau đó NLQ13 lại tự ý cho người khác vào ở trong phần đất đã hiến cho Đình là không phù hợp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trần Văn C, anh Trần Văn T, anh Trần Văn H, anh Trần Văn S, anh Trần Văn P, chị Trần Thị Kim L (ông C là chồng NLQ1; anh T, anh H, anh S, anh P, chị L đều là con NLQ1); NLQ2 (anh của ông Đ); NLQ3 (chết 2010), những người kế thừa của NLQ3: Ông Trần Văn S, chị Trần Thị H; NLQ9 (vợ Đực E), NLQ10 (con dâu ông Đ); NLQ11 (con ông Đ); NLQ12 (cháu ông Đ). Tất cả đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ bản khai của các đương sự trên thì các đương sự đều khẳng định không yêu cầu độc lập gì trong vụ án này.

+ *NLQ13 trình bày:* Nguồn gốc đất là của cụ nội ông để lại cho cha ông, sau đó cha ông để lại cho ông. Trước đây Đình thần A cất ngoài phía sông nhưng do đất lỡ, Đình không có chỗ di dời nên năm 1958 ông hiến đất xây Đình để thờ cúng Thần linh (cha NLQ13 chết năm 1957). Ngôi Đình lúc đầu cất tạm thấp, sau này mới sửa chữa khang trang như hôm nay.

Khi ông hiến đất cho Đình thì có nhà của ông G là cha anh Đực E Phần đất ông hiến cho Đình thì lấy cây Sộp, cây Dương làm ranh kéo dài ra mé sông; ranh phía sau thì tính từ mí mồ mã của ông bà ông. Còn phần nhà ăn của Đình xây lấn qua tạo thành chữ L thì Đình mới cất sau này (năm nào thì ông không nhớ), do ông không sử dụng nên ông không có ý kiến. Nguồn gốc phần đất đang tranh chấp là của gia đình ông, trước đây ông cho cha anh Đực E ở nhờ. Trước khi hiến đất cho Đình thì ông cũng không đăng ký trong sổ mục kê hay sổ địa chính. Đến thời điểm này thì ông cũng không ký bất kỳ giấy tờ nào thể hiện hiến đất cho Đình, chỉ nói miệng. Nhà ông G cũng ở gần mé sông do bị sạt lỡ không có chỗ ở nên ông cho ông G cất nhà ở trong khuôn viên đất của ông, ngoài phạm vi đất hiến cho Đình thần A. Do lúc này ông G làm Từ trong Đình nên Ban tế tự không có ý kiến gì mà để cho ông G cất nhà ở, sau khi ông G chết thì vợ con ông G tiếp tục ở cho đến nay. Năm 2009 khi Nhà nước quy hoạch làm bờ kè thì nhà ông G có trúng vào quy hoạch, khi làm bờ kè thì con đường có lấn vào nên nhà ông Đ có dính vào một phần nên Nhà nước bồi thường cho Đực E; đồng thời do đường mở rộng nên hàng rào của Đình cũng phải di dời vào phía trong, nên nhà lớn ông Đ cũng lấn vào phía trong khoảng 2 - 3m.

Theo ông thì cha ông Đ có công lớn trong Đình nên cho ông Đ tiếp tục ở và được đứng tên QSD đất. Ngày 09/8/2020, ông Đ có thỏa thuận trả thành quả lao động cho ông số tiền là 20.000.000đồng. Nếu có căn cứ đất của Đình hoặc đất của Đực E mà không phải là đất của gia đình ông thì ông tự nguyện trả lại số tiền trên cho Đực E. Ông không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với Đực E trong vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DS-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đực E.

- Hộ ông Nguyễn Văn Đực E được tiếp tục sử dụng đất diện tích 74,5m^2 thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 55 đất tọa lạc tại đường L, Khóm i, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, xác định trong phạm vi các mốc:

+ Tại vị trí I gồm: mốc 1 – mốc 2 – mốc 3 – mốc 4 – mốc 5 – mốc 6 – mốc 7 – mốc 8 – mốc 9 - mốc 10 – mốc 1.

+ Tại vị trí II gồm: mốc 9 – mốc 10 – mốc 11 – mốc 12 – mốc 9.

(*Kèm theo Mảnh trích đo số 04-2019 ngày 17/5/2019 và Bổ sung trích đo số 11-2019 ngày 26/7/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thị xã H, nay là thành phố H).*

- Hộ ông Nguyễn Văn Đực E được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký để được cấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Đình thần A về việc yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn Đực E phải di dời nhà và các vật kiến trúc có trên đất để trả phần đất 74,5m^2 thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 55 cho Đình thần A.

3/ Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí:

+ Ông Nguyễn Văn Đực E không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tổng cộng là 9.576.000đồng theo các biên lai số 0002852 ngày 18/03/2019 và biên lai số 0007340 ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

+ Đình thần A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai số 0006289 ngày 21/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

- Chi phí tố tụng: Tổng số tiền là 2.983.000đồng, ông Nguyễn Văn Đực E tự nguyện chịu (đã tạm ứng và đã chi xong), Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi án sơ thẩm xử, ngày 25/5/2022 bị đơn Đình thần A kháng cáo yêu cầu xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đực E vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu sử dụng đất 74,5m^2 thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 55.

+ Bị đơn Đình thần A, đại diện ủy quyền ông Phan Văn K vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; yêu cầu ông Đ di dời nhà và tài sản để trả đất 74,5m^2 thuộc thửa 67 cho Đình thần A.

+ Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Đình thần A, giữ nguyên án sơ thẩm.

+ Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của Đình thần A, sửa án sơ thẩm.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh phát biểu ý kiến:
Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Đình thần A, giữ nguyên án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu đề nghị của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn và ý kiến của Vị đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Bị đơn Đình thần A, kháng cáo yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn Đực E trả đất 74,5m^2 thuộc thửa 67, tờ bản đồ số 65. Xét thấy:

[1] Các bên đương sự đều xác định đất đang tranh chấp có nguồn gốc của gia đình NLQ13. Năm 1958 gia đình NLQ13 hiến đất để xây dựng Đình thần A.

[2] Đình thần A cho rằng căn nhà của ông Đ hiện nay (trước đây là của ông G, cha ông Đ để lại) là xây trên đất của Đình. Tuy nhiên người đại diện ủy quyền của Đình thần A không xác định được diện tích phần đất mà gia đình NLQ13 đã hiến cho Đình là bao nhiêu. Vị trí tứ cận phần đất có kích thước bao

nhiêu mét. Quá trình sử dụng, người đại diện của "Đình" chỉ đăng ký tên trên sổ mục kê mà chưa được cơ quan có thẩm quyền công nhận cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Đình.

[3] Căn cứ Trích lục bản đồ số 192/2010, ngày 22/11/2010 và Trích lục bản đồ số 2614/2019, ngày 17/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H thì đất Đình thần thuộc thửa 654 (nay là thửa 59). Theo văn bản số: 1342/CNVPĐKĐĐ ngày 04/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H xác định: " *Theo bản đồ địa chính đang quản lý thì thửa đất số 654, tờ bản đồ số 14 được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 05/01/2005 và thửa đất số 59, tờ bản đồ số 55 được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 11/5/2009 hiện không thay đổi, tuy nhiên 02 trích lục trên không khẳng định là đất Đình A, vì đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc trích lục thửa đất có tên chủ sử dụng "Đình A" là dựa vào bản đồ địa chính đang quản lý".*

Đồng thời năm 2009 khi phần đất trúng quy hoạch để mở lộ và làm bờ kè chống xoái lỡ, nhà Nước đã thu hồi 01 phần đất và bồi thường giá trị QSD đất thì NLQ13 là người được Nhà nước chi trả bồi thường. Tuy nhiên, số tiền chi trả này NLQ13 xác định đất đã hiến cho Đình thần A nên sau đó NLQ13 đã giao cho Đình, người đại diện ủy quyền của Đình thần A là ông K cũng xác nhận việc này.

[4] Người đại diện ủy quyền của Đình là ông K cho rằng căn nhà của ông Đ nằm trên đất của Đình. Xét thấy, năm 2009 – 2010 một phần căn nhà (hàng ba phía trước căn nhà) của ông G (nay là ông Đ) có trúng quy hoạch mở rộng lộ, làm bờ kè, đất bị thu hồi diện tích 25,5m^2 (QĐ 187/QĐ-UBND-HC ngày 30/7/2009 (*BL 05*) nên được bồi thường đất và tài sản trên đất số tiền 17.370.384 đồng + 18.000.000đồng (tuy nhiên không được hỗ trợ nền nhà theo công văn số: 2849 /UBND-HC ngày 07/10/2021 của UBND tp. Hồng Ngự xác định: " *Hộ ông Nguyễn Văn Đực E ngoài việc được Nhà nước bồi thường phần đất diện tích 22,5m^2 và tài sản trên đất thì Nhà nước không tái định cư nền nhà nào cho hộ ông Nguyễn Văn Đực E*". Điều này phù hợp với lời trình bày của ông Đ là phần diện tích đất 22,5m^2 mà Nhà nước bồi thường là hàng ba phía trước. Từ đó cho thấy, đại diện Đình thần A cho rằng đất ông Đ đang cất nhà ở là đất của Đình là không có căn cứ.

[5] Lời khai của NLQ13 là chủ đất cũng xác nhận đất bị thu hồi một phần nên ông Đ đã dời nhà lấn vào phía trong khoảng 2- 3m là có căn cứ. Vì khi 01 phần nhà (hàng ba phía trước căn nhà) của ông Đ trúng quy hoạch nên ông đã sửa lại nhà, có di dời nên Đình Thần đã báo chính quyền địa phương, việc này

được chính quyền xác nhận tuy không thể hiện có việc lập biên bản ngăn cản nhưng thực tế là ông Đ đã di dời và sửa lại nhà.

[6] Xét thấy, người đại diện ủy quyền của "Đình" là ông K cũng thừa nhận, ông G là cha ông Đ đã xây nhà trên đất từ 1967, lúc đầu là xây mái chái để buôn bán nhỏ, sau đó xây nhà kiên cố, năm 2009 – 2010 Nhà nước quy hoạch mở rộng lộ và xây bờ kè, nhà ông Đ bị trúng quy hoạch 01 phần, khi giao đất thì ông Đ sửa lại nhà kiên cố như hiện nay.

Nay "Đình" yêu cầu Đực E di dời nhà trả đất nhưng không chứng minh được vị trí đất ông Đ sử dụng là đất của "Đình". Căn cứ công văn số 1043/UBND-HC ngày 14/8/2019 của Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) H thể hiện: "*Phần đất tranh chấp thuộc thửa 67, tờ bản đồ số 55 chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo sổ mục kê tên Nguyễn Văn Đực E...*" và theo Văn bản số 1342/CNVPĐKĐĐ ngày 04/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H xác định: *"Phần đất thửa 67, tờ bản đồ số 55 được Sở Tài nguyên và Môi trường duyệt ngày 11/5/2019 hiện không thay đổi"*.

Mặt khác, phần đất này ông G (cha ông Đ) đã cất nhà ở ổn định từ năm 1967 đến nay (hiện không có chỗ ở nào khác). Vào năm 2009 khi Nhà nước có chủ trương làm bờ kè, mở rộng lộ đã bồi thường nhà, đất thì cũng bồi thường cho ông Đ nhận; phía Đình A không ai có ý kiến.

[7] Gia đình người hiến đất cho "Đình" là NLQ13 xác nhận đất ông Đ sử dụng là phần đất của gia đình NLQ13; phần đất này không hiến cho "Đình". Mặc dù lời trình bày của NLQ13 tại biên bản ngày 16/01/2020 *(BL 296*) và các biên bản làm việc khác có lúc chưa thống nhất nhau, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm NLQ13 xác nhận đất ông Đ đang xây nhà ở khi bị Nhà nước thu hồi đất 01 phần khi dời nhà có lấn vào trong khoảng 02 - 03m nhưng cho rằng không lấn vào phần đất của Đình, vị trí đất này gia đình NLQ13 không hiến cho "Đình". Bên cạnh đó, ông K là đại diện ủy quyền của "Đình" cũng không xác định vị trí ranh đất mà "Đình" được hiến.

[8] Qua xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp, giáp ranh vách căn nhà của ông Đ hiện trạng sát mí ranh có cây Sộp, điều này phù hợp với lời trình bày của NLQ13, rằng đất gia đình ông hiến cho Đình từ vị trí cây Sộp là đúng như hiện trạng.

[9] Việc Đình thần A căn cứ vào tờ Trích lục bản đồ số 192/2010, ngày 22/11/2010, thửa đất số 654, tờ bản đồ số 14 (nay đổi thành thửa đất số 59, tờ bản đồ số 55) để chứng minh hiện trạng đất của Đình. Tuy nhiên, theo sổ mục kê

thì thửa 67, tờ bản đồ số 55 là do ông Nguyễn Văn Đực E đứng tên, không thuộc thửa đất của Đình.

[10] Tại phiên tòa phúc thẩm ông K đại diện ủy quyền của "Đình" cho rằng căn nhà của ông Đ nằm trong diện tích 58,9m^2 (từ mốc B – 12 – 9 – 8 – 7 - 6 – 5 – 4 – 3 – 2 – 1 – 10 – A – B) theo sơ đồ bổ sung ngày 03/8/2022 nhưng không có căn cứ chứng minh. Đối với Quyết định số: 04/QĐ-UBND.NC ngày 06/4/2015 của UBND thị xã H giải quyết tranh chấp đất đai giữa Đình thần A và ông Nguyễn Văn Đực E, nhưng Quyết định này đã bị Quyết định số 16/QĐ-UBND-NC ngày 26/12/2016 của UBND thị xã H hủy nên Quyết định số 04, ngày 06/4/2015 không còn giá trị về mặt pháp lý. Do vậy, không có căn cứ xác định đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của Đình thần A.

[11] Từ đó, không chấp nhận kháng cáo của Đình thần A yêu cầu ông Đ dời nhà trả đất.

[12] Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đ đề nghị không chấp nhận kháng cáo của Đình thần A, giữ nguyên án sơ thẩm; đề nghị này là phù hợp nên chấp nhận.

[13] Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị chấp nhận kháng cáo của Đình thần A, sửa án sơ thẩm, buộc ông Đ di dời nhà trả đất; đề nghị này là không phù hợp nên không chấp nhận.

[14] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên do "Đình" là tổ chức tranh chấp bảo vệ lợi ích công cộng nên không phải nộp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 11 NQ số 326 của UBTVQH.

[15] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm, "Đình" phải chịu là 2.000.000đồng + 2.209.680đồng = 4.209.680 đồng; số tiền này "Đình" đã tạm ứng và chi xong.

[16] Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật và đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Đình thần A, giữ nguyên án sơ thẩm. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT BỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật tố tụng

dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Đình thần A.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2022/DS-ST ngày 20/5/2022 của Tòa án nhân dân thành phố H.

1). Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đực E.

- Hộ ông Nguyễn Văn Đực E được tiếp tục sử dụng đất diện tích 74,5m^2 thuộc thửa số 67, tờ bản đồ số 55; đất tọa lạc tại đường L, Khóm i, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp, theo các mốc:

+ Tại vị trí I gồm: mốc 1 – mốc 2 – mốc 3 – mốc 4 – mốc 5 – mốc 6 – mốc 7 – mốc 8 – mốc 9 - mốc 10 – mốc 1.

+ Tại vị trí II gồm: mốc 9 – mốc 10 – mốc 11 – mốc 12 – mốc 9.

(Kèm biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 19/4/2019 của Tòa án thành phố H, biên bản ngày 03/8/2022 của Tòa án tỉnh Đồng Tháp; Mảnh trích đo số 04-2019 ngày 17/5/2019, Bổ sung trích đo số 11-2019 ngày 26/7/2019 và ngày 22/8/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã (nay là thành phố) H).

- Hộ ông Nguyễn Văn Đực E được đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký cấp quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở theo quy định pháp luật.

2). Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Đình thần A về việc yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn Đực E di dời nhà và vật kiến trúc để trả đất diện tích 74,5m^2 thuộc thửa 67, tờ bản đồ số 55 tọa lạc khóm i, phường A, thành phố H.

3). Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn Đực E không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.576.000đồng theo các biên lai số 0002852 ngày 18/03/2019 và biên lai số 0007340 ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

- Đình thần A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai thu số 0006289 ngày 21/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

4). Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá:

- Cấp sơ thẩm số tiền là 2.983.000đồng, ông Nguyễn Văn Đực E tự nguyện chịu (đã tạm ứng và đã chi xong).

- Cấp phúc thẩm số tiền 4.209.680 đồng, Đình thần A chịu và đã chi xong.

5). Án phí dân sự phúc thẩm: Đình thần A được miễn.

6). Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND tp. H;
- Chi cục THADS tp. H;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS (*vh*).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Vĩnh